

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22.7.2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Chánh Ngôn**.

2. Ông **Thông Minh Tấn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Hiếu** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ri** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 256/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022; Thông báo hoãn phiên tòa số: 01/2022/TBHPT-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022; Thông báo hoãn phiên tòa số: 02/2022/TBHPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 03/2022/TBHPT-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L** – Sinh năm: 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông **Võ Tấn T** – Sinh năm: 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tấn T: Ông **Lê Hồng Thái**, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 161 Nguyễn Hội, khu phố 1, phường O, thành phố R, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **NLQ 1**, sinh năm 1948. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 560, thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông **NLQ 2**, sinh năm 1968. Vắng mặt.

3/ Bà **NLQ 3**, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 178 Nguyễn Minh Châu, khu phố G, thị trấn W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ 2, bà NLQ 3: Ông **Nguyễn Quốc Thi**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường O, thành phố R, tỉnh Bình Thuận.

*** Người làm chứng:**

1/ Ông **NLC 1**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố XX, thị trấn W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông **NLC 2**, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T sống chung với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/09 ngày 07.5.2009.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung vợ chồng. Ông Võ Tấn T nghi ngờ bà Nguyễn Thị L có quan hệ tình cảm với người khác nên ghen tuông rồi xảy ra cãi vã to tiếng nhau những lúc đó ông T có những lời lẽ xúc phạm danh dự và thậm chí còn đánh bà Nguyễn Thị L mặc dù bà đã giải thích nhưng ông T không nghe mà còn nghe lời chị em gom tiền bạc của gia đình gửi bên mẹ ông T. Bà Nguyễn Thị L cảm thấy trong cuộc sống vợ chồng ông T đã không còn tin tưởng bà nên bà về nhà cha mẹ ruột ở, hai người đã không còn sống chung từ tháng 07/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nữa nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Võ Tấn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T có với nhau 02 con chung: Võ A, sinh năm 2009 và Võ Ngọc S, sinh năm 2012. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Võ Ngọc S, giao cho ông Võ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Võ A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T tạo lập được những tài sản sau đây:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền lát gạch xây dựng năm 2012 diện tích 100m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H. Căn nhà nằm trên diện tích đất 5.000m² do cha mẹ ông T cho. Trên diện tích đất này còn trồng 400 trụ thanh long 10 năm tuổi.

Khi ly hôn bà L yêu cầu chia giá trị căn nhà là 300.000.000 đồng (không yêu cầu chia giá trị đất và thanh long). Ý kiến của bà L là giao toàn bộ nhà, diện tích đất + 400 trụ thanh long cho ông T quản lý, sử dụng và ông T thanh toán lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 150.000.000 đồng.

- 01 diện tích đất khoảng 4.000m² tại thôn X, xã Y, huyện H. Trên đất có trồng 400 trụ thanh long 07 năm tuổi. Thửa đất này do cha mẹ ông T cho năm 2009 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Trị giá tài sản này (thanh long) là 200.000.000 đồng. Ý kiến của bà L là giao cho ông T quản lý, sử dụng rẫy thanh long này (không yêu cầu chia giá trị đất) và thanh toán lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị thanh long là 100.000.000 đồng.

- 01 diện tích đất khoảng 11.000m² tại thôn X, xã Y, huyện H. Thửa đất này vợ chồng bà mua lại của ông Nguyễn Thiếu Nam, 1961 và bà Ngô Thị Nguyệt Nga, 1970 vào năm 2017 (diện tích đất này vợ chồng bà mua chung với ông Nguyễn Công Đức, 1972; địa chỉ: Khu phố XX, thị trấn W, huyện H tổng diện tích là 22.000m², vợ chồng bà $\frac{1}{2}$ diện tích, ông Đức $\frac{1}{2}$ diện tích, có giấy sang nhượng đất viết tay kèm theo. Trên diện tích đất 11.000m² này vợ chồng bà đã trồng 1.450 trụ thanh long 01 năm tuổi. Trị giá tài sản là 700.000.000 đồng. Ý kiến của bà L là chia đôi diện tích đất + thanh long: Bà quản lý, sử dụng: 725 trụ thanh long + diện tích đất tương ứng, giao cho ông T quản lý, sử dụng: 725 trụ thanh long + diện tích đất tương ứng.

- 01 xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc mua năm 2013, trị giá tài sản này là 100.000.000 đồng. Ý kiến của bà là giao cho ông T quản lý sử dụng chiếc xe này thanh toán cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch là 50.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter mua năm 2012, biển số 86V2-0844 mang tên Võ Tấn T. Trị giá 20.000.000 đồng. Nguyên vọng của bà L là giao chiếc xe này cho ông T quản lý, sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 86V1-3323 mang tên Võ Tấn Qua (mua lại của ông Qua năm 2013) trị giá 10.000.000 đồng. Nguyên vọng của bà L là giao chiếc xe này cho ông T quản lý, sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Ware RSX mua năm 2017, biển số 86B4-325.86 mang tên Nguyễn Thị L. Trị giá 15.000.000 đồng. Nguyên vọng của bà L là muốn được quản lý, sử dụng chiếc xe này.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Bị đơn – Ông Võ Tấn T trình bày:

Ông Võ Tấn T và bà Nguyễn Thị L sống chung với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/09 ngày 07.5.2009.

Ông Võ Tấn T thừa nhận, quá trình chung sống, ông T và bà L hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Nguyễn Thị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác rồi lấy tiền của gia đình đưa cho người

đàn ông này, ông T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà L vẫn tính nết nào tặc nấy nên vợ chồng xảy ra cãi vã to tiếng nhau rồi bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở, hai người đã không sống chung từ năm 2017 đến nay. Ông Võ Tấn T cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu ly hôn ông T đồng ý.

Về con chung: Ông Võ Tấn T và bà Nguyễn Thị L có với nhau 02 con chung: Võ A, sinh năm 2009 và Võ Ngọc S, sinh năm 2012. Khi ly hôn, ông T đồng ý nuôi dưỡng con chung Võ A; giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Ngọc S, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà L tạo lập được những tài sản sau đây:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái tôn, nền lát gạch xây dựng năm 2012 diện tích 100m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H. Căn nhà nằm trên diện tích đất do cha mẹ ông T cho mượn. Trị giá căn nhà 250.000.000 đồng. Khi ly hôn ông T đồng ý quản lý, sử dụng căn nhà và thối lại tiền chênh lệch cho bà L số tiền 125.000.000 đồng.

- 01 diện tích đất khoảng 4.000m² và khoảng 400 trụ thanh long 05 năm tuổi trên đất tọa lạc tại xóm rẫy thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Quyền sử dụng đất chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất). Trị giá tài sản này (thanh long) là 150.000.000 đồng. Khi ly hôn ông T đồng ý quản lý, sử dụng thanh long và thối lại tiền chênh lệch cho bà L số tiền 75.000.000 đồng.

- 01 diện tích đất khoảng 11.000m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất trồng 1.450 trụ thanh long 01 năm tuổi. Trị giá tài sản là 350.000.000 đồng. Ông T đồng ý thối lại phần chênh lệch cho bà L số tiền 175.000.000 đồng.

- 01 xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc mua năm 2013, trị giá tài sản này là 100.000.000 đồng. Ông T đồng ý quản lý, sử dụng chiếc xe này và thối lại phần chênh lệch cho bà L số tiền 50.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter đời 2012, biển số 86V2-0844 mang tên Võ Tấn T. Trị giá 20.000.000 đồng. Ông Võ Tấn T đồng ý quản lý, sử dụng xe mô tô này.

- 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 86V1-3323 mang tên Võ Tấn Qua (mua lại của anh Qua năm 2013) trị giá 10.000.000 đồng. Ông Võ Tấn T đồng ý quản lý, sử dụng xe mô tô này.

- 01 xe mô tô hiệu Ware RSX mua năm 2017, biển số 86B4-325.86 mang tên Nguyễn Thị L. Trị giá 15.000.000 đồng. Ông Võ Tấn T đồng ý giao cho bà L quản lý, sử dụng xe mô tô này.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của vợ chồng ông NLQ 2 và bà NLQ 3 số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi lăm triệu đồng*). Số tiền này ông T trực tiếp vay mượn để mua diện tích đất 11.000m² và đầu tư trồng 1.450 trụ thanh long trên đất.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ 1 trình bày.

Bà là mẹ ruột của ông Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị L là con dâu.

Diện tích đất mà vợ chồng ông T, bà L xây dựng căn nhà là do vợ chồng bà khai hoang có được và đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 vợ chồng bà cho vợ chồng ông T, bà L diện tích đất khoảng 4.257m² trên đất có 400 trụ thanh long 02 năm tuổi. Sau đó năm 2010, vợ chồng L T xây dựng 01 căn nhà diện tích 40m². Đến năm 2012 vợ chồng ông T, bà L xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay. Thời điểm vợ chồng bà cho đất cho vợ chồng ông T, bà L giữa hai bên chỉ nói miệng không có viết giấy tờ gì cả, lúc cho vợ chồng bà có nói là cho ở tạm làm ăn nếu không ở nữa thì trả lại đất, thanh long lại cho vợ chồng bà. Năm 2010, khi xây dựng nhà vợ chồng ông T, bà L có đến gặp vợ chồng bà xin nhờ một số trụ thanh long để làm nhà. Đến năm 2012 tiếp tục xin vợ chồng bà nhờ thêm một số trụ thanh long để xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay vợ chồng bà đồng ý vì là con cái trong gia đình.

Đối với diện tích đất trồng 400 trụ thanh long cũng vậy, vợ chồng bà cho là cho tạm để vợ chồng ông T, bà L trồng thanh long tạo thu nhập kinh tế gia đình chứ không cho luôn. Vợ chồng ông T, bà L trồng thanh long vào năm 2015 trước khi trồng vợ chồng ông T, bà L có xin vợ chồng bà và vợ chồng bà cũng đồng ý.

Nay vợ chồng ông T, bà L ly hôn nhau nên bà lấy đất lại không cho nữa.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông NLQ 2, bà NLQ 3: Ông Nguyễn Quốc Thi trình bày.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông Võ Tấn T, bà Nguyễn Thị L có vay mượn của vợ chồng ông NLQ 2, bà NLQ 3 số tiền 550.000.000 đồng với lãi suất vay là 1%/tháng, thời hạn vay là 02 năm (từ ngày 10/6/2017 đến 10/6/2019), mục đích vay là để mua đất và đầu tư trồng cây thanh long tại thôn X, xã Y, huyện H (hiện nay vợ chồng ông NLQ 2, bà NLQ 3 đang giữ Giấy vay tiền ngày 10/6/2017 có chữ ký của ông Võ Tấn T và 02 người làm chứng). Nay do vợ chồng ông T, bà L ly hôn nên ông NLQ 2, bà NLQ 3 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà L phải trả số nợ trên là 550.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn, ông Võ Tấn T đồng ý, xét thấy đây là ý chí tự

nguyện của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T.

Về con chung: bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Võ Ngọc S, sinh năm 2012; giao cho ông Võ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ A, sinh năm 2009, ông T đồng ý. Xem xét khả năng điều kiện nuôi con của bà L và ông T, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận trên.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là:

- 01 căn nhà xây cấp 4A, diện tích 140m² tường gạch, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic, cửa gỗ tốt, mái tôn trang trí, xây dựng năm 2012, sử dụng được 08 năm (khấu hao 60%) tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trị giá 319.000.000 đồng. Mái che 135m², trị giá 55.000.000 đồng. Tổng cộng là 374.000.000 đồng.

- 400 trụ thanh long 05 năm tuổi, nằm trên diện tích đất 4.000m² tại thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trị giá 246.000.000 đồng.

- 01 xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc mua năm 2013, hai bên thống nhất giá trị 75.000.000 đồng.

Ông Võ Tấn T đồng ý chia các tài sản trên làm đôi cho ông và bà L nhưng phần tài sản được chia cho bà L thì bà L tự nhả thanh long đem đi nơi khác, nhà thì dỡ phần bà L, xe máy cày thì làm gì đó thì làm hoặc cho con ông bà.

Xét yêu cầu của ông T là không thỏa đáng. Bởi vì, tài sản là nhà ở và thanh long đều nằm trên đất của bà NLQ 1 (mẹ ruột ông T) cho trước đây, giờ bà NLQ 1 lấy lại đất và đất hiện ông T đang quản lý nên đề nghị Hội đồng xét xử giao tài sản trên cùng với xe máy cày cho ông T và ông T hoàn tiền lại cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, của bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con và chia tài sản với ông Võ Tấn T. Người bị kiện là ông Võ Tấn T có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Người đại diện theo ủy quyền cho ông Võ Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà L và ông T đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà nảy sinh theo như bà L trình bày là do bất đồng quan điểm. Hơn nữa, thái độ và cách cư xử của ông bà không còn yêu thương, tin tưởng, tôn trọng nhau nên làm phát sinh những mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông bà thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra và hiện nay hai người mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, ông T đồng ý ly hôn bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ công nhận sự tự nguyện ly hôn của ông bà là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ Ngọc S, sinh năm 2012; giao cho ông Võ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ A, sinh năm 2009, ông T đồng ý. Xét yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ông bà không còn sống chung với nhau, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Ngọc S, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ A, ông bà vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Để đảm bảo quyền lợi cho các con về mọi mặt nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ Ngọc S, sinh năm 2012; giao cho ông Võ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ A, sinh năm 2009, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T thừa nhận đã tạo lập được những tài sản sau đây:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái tôn, nền lát gạch xây dựng năm 2012 diện tích 100m² + mái che diện tích 135m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H. Căn nhà nằm trên diện tích đất do cha mẹ ông T cho.

- 01 diện tích đất khoảng 4.000m² và 400 trụ thanh long 05 năm tuổi trên đất tọa lạc tại xóm rẫy thôn X, xã Y, huyện H (Quyền sử dụng đất chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất).

- 01 diện tích đất khoảng 11.000m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất trồng 1.450 trụ thanh long 01 năm tuổi.

- 01 xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc mua năm 2013.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter đời 2012, biển số 86V2-0844 mang tên Võ Tấn T.

- 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 86V1-3323 mang tên Võ Tấn Qua (mua lại của anh Qua năm 2013).

- 01 xe mô tô hiệu Ware RSX mua năm 2017, biển số 86B4-325.86 mang tên Nguyễn Thị L.

Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T đã thỏa thuận được việc phân chia và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với những tài sản sau đây:

- 01 diện tích đất khoảng 11.000m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất trồng 1.450 trụ thanh long 01 năm tuổi.

- 01 xe mô tô hiệu Exciter đời 2012, biển số 86V2-0844 mang tên Võ Tấn T.

- 01 xe mô tô hiệu Super Dream, biển số 86V1-3323 mang tên Võ Tấn Qua (mua lại của anh Qua năm 2013),

- 01 xe mô tô hiệu Ware RSX mua năm 2017, biển số 86B4-325.86 mang tên Nguyễn Thị L.

Xét thấy việc thỏa thuận và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với những tài sản trên là tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với những tài sản còn lại gồm:

- 01 căn nhà xây cấp 4, mái tôn, nền lát gạch xây dựng năm 2012 diện tích 100m² + mái che diện tích 135m² gắn liền với căn nhà tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H. Căn nhà nằm trên diện tích đất do cha mẹ ông T cho. Bà L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản là căn nhà + mái che, không yêu cầu giải quyết đất.

- 400 trụ thanh long 05 năm tuổi, nằm trên diện tích đất khoảng 4.000m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H (Quyền sử dụng đất chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận QSD đất). Bà L cũng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản là 400 trụ thanh long, không yêu cầu giải quyết đất.

- 01 xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc mua năm 2013.

Nguyên vọng của bà Nguyễn Thị L là giao căn nhà + mái che, 400 trụ thanh long và chiếc xe máy cày + rơ moóc cho ông Võ Tấn T quản lý, sử dụng và ông T thanh toán lại ½ giá trị tài sản trên cho bà L.

Ông T đồng ý tài sản chung của ông bà chia đôi mỗi người một nửa, bà L lấy ½ tài sản mang đưa đi đâu thì mang.

Xét yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T đều thống nhất căn nhà xây cấp 4 diện tích 7m x 20m + mái che gắn liền với căn nhà, 01 chiếc xe máy cày + rơ moóc và 400 trụ thanh long là tài sản do vợ chồng ông bà tạo lập khi sống chung nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2019 và Biên bản định giá tài sản ngày 10/5/2022 thể hiện:

- Căn nhà xây cấp 4A diện tích 140m² (7m x 20m) xây dựng năm 2012 trị giá 319.200.000 đồng + mái che diện tích 135m² trị giá 55.350.000 đồng.

- Xe máy cày hiệu Shibaura màu đỏ + rơ moóc, ông Võ Tấn T và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giá trị là 75.000.000 đồng.

- 400 trụ thanh long ruột trắng trị giá 246.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản còn tranh chấp là: 695.550.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên vọng của bà L giao toàn bộ tài sản trên cho ông Võ Tấn T quản lý, sử dụng và thanh toán lại tiền chênh lệch cho bà. Ông T không đồng ý tài sản chung của vợ chồng chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản. Phần tài sản của bà L, bà L muốn lấy mang đi đâu thì mang trả lại đất cho mẹ ông. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ 1 yêu cầu vợ chồng ông T, bà L nếu ly hôn nhau thì trả lại đất cho vợ chồng bà còn thanh long, nhà của vợ chồng ông T, bà L giải quyết như thế nào tùy miễn sao trả lại đất cho bà là được.

Xem xét nguyên vọng, ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng của bà L giải quyết vấn đề tài sản trên là phù hợp bởi lẽ: Bà L chỉ tranh chấp và yêu cầu giải quyết tài sản chung là căn nhà xây cấp 4A và 400 trụ thanh long đang nằm trên diện tích đất do cha mẹ ông T cho trong thời kỳ hôn nhân nên giao tài sản này lại cho ông T quản lý, sử dụng là phù hợp. Hơn nữa căn nhà xây cấp 4A hiện tại là tài sản kiên cố, có kết cấu đồng bộ không thể phân chia hay tách rời, nếu chia đôi hay tách rời sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng và hiện ông T là người đang quản lý, sử dụng căn nhà này.

Việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ 1 cho rằng vợ chồng bà cho đất cho vợ chồng ông T, bà L là chỉ cho tạm để làm ăn chứ không cho luôn cũng không có căn cứ bởi lẽ: Việc vợ chồng ông T, bà L xây dựng nhà ở như hiện nay là công trình kiên cố trên diện tích đất này có xin ý kiến của vợ chồng bà và ông bà đồng ý không có ý kiến gì, không ngăn cản hay yêu cầu xây dựng công trình tạm để khi vợ chồng bà lấy đất lại thì tháo dỡ trả lại đất cho ông bà, do vậy việc bà yêu cầu lấy lại đất vì chúng nó ly hôn là không có cơ sở, hơn nữa bà cũng không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao toàn bộ tài sản trên cho ông Võ Tấn T quản lý, sử dụng và ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên số tiền là: 695.550.000 đồng : 2 = 347.775.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) là phù hợp theo quy định tại Điều 59, 61 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Tấn T trình bày vợ chồng ông bà có nợ của vợ chồng ông NLQ 2 và bà NLQ 3 số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*). Ngày 12/11/2018, vợ chồng ông NLQ 2, bà NLQ 3 có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ trên. Tuy nhiên, ngày 04/5/2021 vợ chồng ông NLQ 2, bà NLQ 3 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét giải quyết nữa.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*), chi phí định giá tài sản số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), nguyên đơn đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 59, Điều 61, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ Ngọc S, sinh năm 2012; giao cho ông Võ Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Võ A, sinh năm 2009, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về yêu cầu chia tài sản:

3.1. Giao cho ông Võ Tấn T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm: 01 căn nhà xây cấp 4A diện tích 140m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà có đặc điểm tường xây gạch, tấm đan bê tông cốt thép, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn. Căn nhà nằm trên diện tích đất do cha mẹ ông Võ Tấn T cho. Trị giá căn nhà là 319.200.000 đồng; 01 mái che khung sườn sắt lắp ghép, mái lợp tôn kẽm, nền láng xi măng gắn liền với căn nhà diện tích 135m² trị giá 55.350.000 đồng; 01 chiếc xe máy cày màu đỏ hiệu Subaura + rơ moóc trị giá 75.000.000 đồng và 400 trụ thanh long ruột trắng trị giá 246.000.000 đồng. Tổng tài sản trị giá là: 695.550.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Toàn bộ tài sản trên hiện đang do ông Võ Tấn T quản lý, sử dụng.

3.2. Ông Võ Tấn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L ½ giá trị căn nhà + mái che, chiếc xe máy cày + rơ moóc và 400 trụ thanh long có đặc điểm như trên số tiền là 347.775.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản đối với diện tích đất khoảng 11.000m² tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất trồng 1.450 trụ thanh long 01 năm tuổi.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của vợ chồng ông NLQ 2, bà NLQ 3 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

6. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 17.388.750 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0021206 và 12.600.000 đồng theo biên lai số 0021207 ngày 29.8.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp 4.788.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

- Ông Võ Tấn T phải chịu 17.388.750 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

- Hoàn trả cho ông NLQ 2, bà NLQ 3 số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số 0021314 ngày 07.12.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận.

7. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu chi phí tố tụng số tiền là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/7/2022). Riêng người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H;
- THADS H;
- UBND xã Y, HTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Hồng Thanh

